TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án: **54** /2025/DS- ST Ngày 23 / 9 / 2025	
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản trên đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông Lã Văn Minh;
2. Bà Hoàng Thị Việt Hà;

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản trên đất". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXX – ST, ngày 04 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2025/QĐHPT – ST, ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Văn K, sinh năm 1975; có mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã D, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn*: Bà Lý Thị L, sinh năm 1986; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã D, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Cụ Lý Thị H, sinh năm 1942; vắng mặt
2. Bà Bàn Thị K1, sinh năm 1983; vắng mặt
3. Cháu Đặng Thị L1, sinh năm 2007; vắng mặt
4. Cụ Lý Thị L2, sinh năm 1944; vắng mặt
5. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1985; vắng mặt
8. Cháu Đặng Thị K2, sinh năm 2010; vắng mặt

Cùng trú tại: Thôn B, xã D, tỉnh Bắc Ninh.

(Cụ H, bà K1, cháu L1 vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Đặng Văn K; cháu K2 vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Lý Thị L).

9. Ủy ban nhân dân xã D; Người được ủy quyền là ông Nguyễn Văn T1 – Chức vụ: Phó Trưởng phòng kinh tế; có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa ông Đặng Văn K trình bày:

Năm 1996, gia đình ông được UBND huyện S giao cho 01 lô đất lâm nghiệp để khoanh nuôi, bảo vệ rừng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ bìa xanh vào ngày 11/8/1997; đến ngày 08/8/1999 đã được UBND huyện S cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ) số P067078 gồm 02 lô đất, trong đó có 01 lô tại tờ bản đồ số 2.4, lô D, khoảnh 41, diện tích 90.000m^2, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp thôn K, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã D, tỉnh Bắc Ninh).

Năm 1998 bố chồng của bà L là ông Đặng Văn T2 đã mượn đất của ông để trồng cây theo dự án V và ông đã cho mượn, khi đó chỉ nói bằng miệng chứ không lập thành văn bản, gia đình ông cũng trồng cây theo dự án, sau khi thực hiện dự án V xong năm 2002 thì ông T2 không trả đất mà đã trồng cây keo; gia đình ông đã nhiều lần yêu cầu trả lại đất thì gia đình ông T2 hứa thu hoạch keo xong sẽ trả nhưng sau khi thu hoạch keo năm 2014 đã chây ỳ không trả và cho bà L trồng cây tiếp, quá trình quản lý gia đình bà L lại phát lấn chiếm thêm đất nên xảy ra tranh chấp. UBND xã D đã tiến hành hòa giải yêu cầu gia đình bà L trả lại đất cho gia đình ông nhưng không thành. Hiện nay trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp gia đình bà L đã trồng keo từ đầu năm 2025. Quá trình khởi kiện ông yêu cầu gia đình bà Lý Thị L phải cho gia đình ông diện tích đất là 12.875m^2 và di dời tài sản trên đất để gia đình ông sử dụng; tại phiên Tòa ông rút yêu cầu về diện tích đất yêu cầu bà L trả 12.049,4m^2. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

[2]. Bị đơn chị Lý Thị L xác nhận một phần lời khai của bên nguyên đơn tại biên bản ghi lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, bà L trình bày:

Năm 1996, gia đình bố mẹ chồng bà được UBND huyện S giao cho 01 lô đất lâm nghiệp, diện tích 01ha để khoanh nuôi, bảo vệ rừng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sô bìa xanh mang tên ông Đặng Văn T3, bà Lý Thị L2 thuộc thôn K, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn B, xã D, tỉnh Bắc Ninh). Đến năm 2012 do bố mẹ chồng bà tuổi cao, sức yếu không thể canh tác được nữa nên tặng cho vợ chồng bà thửa đất trên để canh tác, sử dụng. Từ khi quản lý, sử dụng gia đình bà vẫn canh tác, quản lý sử dụng thường xuyên liên tục không xảy ra tranh chấp gì. Hiện nay phần đất tranh chấp gia đình bà vẫn chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy tờ công nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên nhân xảy ra tranh chấp là do ông Đặng Văn K cho rằng gia đình bà lấn chiếm đất của gia đình ông K. Hiện nay trên đất tranh chấp, gia đình bà đã trồng keo từ đầu năm 2025. Nay ông Đặng Văn K khởi kiện yêu cầu gia đình bà trả lại diện tích đất là 12.049,4m^{2}và di dời tài sản trên đất bà không nhất trí, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

[3]. Lời trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cụ Lý Thị H, bà Bàn Thị K1, chị Đặng Thị H1 (Cụ H là mẹ; bà K1 là vợ, chị H1 là con ông K nguyên đơn): Trình bày về nguồn gốc đất, ý kiến, quan điểm đưa ra như ông Đặng Văn K trình bày.

- Cụ Lý Thị L2, ông Đặng Văn T, cháu Đặng Thị K2 (Là mẹ, chồng và con bà L bị đơn): Trình bày về nguồn gốc đất, ý kiến, quan điểm đưa ra như bà Lý Thị L trình bày.

- Quan điểm của UBND xã D trả lời tại Công văn số 121/UBND-NC ngày 27/8/2025 như sau:

Năm 1986, gia đình ông Đặng Văn K được UBND huyện S giao khoanh nuôi, bảo vệ rừng 01 thửa đất lâm nghiệp và đã được cấp sổ bìa xanh; năm 1999 đã được UBND huyện S cấp chuyển đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ) số P067078 ngày 08/8/1999, diện tích 90.000m^2, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp, tại lô 4, khoảnh 41, tờ bản đồ số L4, thôn K, xã D, huyện S (nay là thôn B, xã D, tỉnh Bắc Ninh), cấp cho hộ ông Đặng Văn K.

Nguyên nhân tranh chấp: Do tại thời điểm giao đất là rừng tự nhiên cây cối nhiều, địa hình phức tạp; Năm 2007 rừng nghèo kiệt nên hộ gia đình bà Lý Thị L đã trồng cây Keo phát triển kinh tế đã trồng vào phần đất thuộc lô 4, khoảnh 41 của gia đình ông K nên xảy ra tranh chấp; Thời điểm đó gia đình ông K và gia đình bà L đã có vướng mắc nhưng ông K không đề nghị chính quyền giải quyết, nhưng sau đó trong quá trình canh tác gia đình bà L lấn chiếm thêm nên ông K làm đơn giải quyết. UBND xã D đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Về Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K gồm có: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sổ bìa xanh cấp cho ông Đặng Văn K; Biên bản giao nhật rừng và đất lâm nghiệp; Sơ đồ đất lâm nghiệp; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất.

Đất của gia đình ông K được giao khoanh nuôi, bảo vệ rừng từ năm 1996, được phân lô trên bản đồ giao đất lâm nghiệp 02 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy về trình tự, thủ tục giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Đặng Văn K là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Diện tích đất tranh chấp nằm trong lô đất gia đình ông Đặng Văn K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; gia đình bà Đặng Thị L3 không

được giao và không có bất cứ giấy tờ gì của nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. UBND xã đề nghị Tòa án căn cứ vào Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản đồ giao đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các tài liệu chứng cứ các bên xuất trình và do Tòa án thu thập để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[4]. Kết quả xem xét, thẩm định và định giá tài sản:

Kết quả xem xét, thẩm định: Diện tích đất tranh chấp gia đình bị đơn bà Lý Thị L đang quản lý mà nguyên đơn khởi kiện nằm trong lô 4, khoảnh 41 của gia đình ông K đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 12.049,4m^2, gồm các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13. Về tài sản trên đất tranh chấp: Gia đình bà L đã trồng Cây keo trên diện tích đất 12.049,4m^2 = 5.783 cây keo được 1 tháng tuổi.

Kết quả định giá tài sản: Về đất giá = 20.000đ/m^2; Giá trị cây keo = 5.000đ/cây.

[5]. Phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyển vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 138, 164, 166, 175, 185, 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 35, Điều 91, 147, 157, 165, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 11, Điều 24, 36, 38, 43 và Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 49, Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn K: Buộc bị đơn bà Lý Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Lý Thị L2, ông Đặng Văn T, cháu Đặng Thị K2 phải trả cho gia đình ông Đặng Văn K quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 12.049,4m^{2}thuộc lô 04, khoảnh 41 thôn K, xã D, huyện S (nay là thôn B, xã D, tỉnh Bắc Ninh); gồm các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13. (Có sơ đồ đo vẽ, bản kê tọa độ và độ dài các cạnh kèm theo).

Về tài sản trên đất: Giao cho ông Đặng Văn K được sở hữu toàn bộ cây keo do gia đình bà Lý Thị L tạo lập gắn liền trên đất gồm: 5.783 cây keo mới trồng được 1 tháng tuổi. Ông Đặng Văn K phải trả cho bà Lý Thị L số tiền giá trị cây keo là: 28.915.000đ.

Về án phí: Nguyên đơn ông Đặng Văn K và bị đơn bà Lý Thị L được miễn toàn bộ án phí DSST.

Về tiền chi phí tố tụng: Chi phí định giá và thẩm định, đo đạc hết số tiền là 15.358.000đ; bị đơn bà Lý Thị L phải chịu toàn bộ số tiền chi phí định giá, thẩm định.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đưa UBND huyện S, tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Căn cứ Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bắc Ninh, thì hiện nay thửa đất tranh chấp Tòa án đang giải quyết do UBND xã D là cơ quan quản lý về đất đai tại địa phương; Do đó UBND xã D là đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ của UBND huyện S tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt; Cụ Lý Thị L2, bà Lý Thị L2, ông Đặng Văn T, cháu Lý Thị K3 vắng mặt phiên tòa lần 2 không có lý do; Cụ Lý Thị H, bà Bàn Thị K1, cháu Đặng Thị L1 vắng mặt đã ủy quyền cho ông Đặng Văn K. Do đó, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đặng Văn K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh) giải quyết thửa đất tranh chấp tại huyện S, bị đơn có hộ khẩu và thường trú tại huyện S. Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn quan hệ pháp luật trong vụ án là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và di dời tài sản trên đất" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh theo quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình cung cấp: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa xanh); 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ bìa đỏ) số P067078 ngày 08/8/1999 mang tên hộ ông Đặng Văn K.

Bị đơn đưa ra ý kiến về nguồn gốc đất nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ mà các bên đương sự cung cấp, ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh về việc giải quyết vụ án; kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như kết quả xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định:

Năm 1996, gia đình ông Đặng Văn K được UBND huyện S giao khoanh nuôi, bảo vệ rừng 01 thửa đất lâm nghiệp và đã được cấp sổ bìa xanh. Ngày

08/8/1999, gia đình ông K được UBND huyện S cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp chuyển từ sổ bìa xanh sang sổ bìa đỏ) số P067078 gồm 02 thửa đất, trong đó có 01 lô tại lô 04, khoảnh 41, diện tích 90.000m^2, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp thuộc thôn K, xã D, huyện S, tỉnh Bắc Giang (Nay là thôn K, xã D, tỉnh Bắc Ninh) cấp cho hộ ông Đặng Văn K.

Về trình tự thủ tục giao đất và lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện S cho gia đình ông Đặng Văn K là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đúng theo quy định tại Điều 24, 36 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 33, 49 Luật Đất đai năm 2003.

Nguyên nhân tranh chấp: Năm 1998 bố chồng của bà L là ông Đặng Văn T2 đã mượn đất của ông K để trồng cây theo dự án V, khi cho mượn hai bên chỉ nói bằng miệng chứ không lập thành văn bản, sau khi thực hiện dự án V xong năm 2002 thì ông T2 không trả đất mà đã cho bà Lý Thị L quản lý, canh tác, quá trình quản lý bà L và tiếp tục lấn chiếm đất; Thời điểm đó gia đình ông K và gia đình bà L đã có vướng mắc nhưng ông K không đề nghị chính quyền giải quyết, nhưng sau đó trong quá trình canh tác gia đình bà L lấn chiếm thêm nên ông K làm đơn giải quyết. UBND xã D đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Văn K rút 1 phần yêu cầu khởi kiện, từ 12.875m^{2}xuống còn 12.049,4m^{2}là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp".*

Căn cứ vào tờ Bản đồ giao đất lâm nghiệp 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên đơn cung cấp, kết quả thẩm định xác định diện tích đất tranh chấp 12.049,4m^{2}nằm trong lô 04, khoảnh 41 của gia đình ông Đặng Văn K hiện gia đình bà Lý Thị L đang quản lý, canh tác gia đình ông Đặng Văn K đã được UBND huyện S giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Lý Thị L trình bày là đất của gia đình và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có bất cứ tài liệu nào nộp để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên thì nguyên đơn ông Đặng Văn K đưa ra yêu cầu khởi kiện đối với bên bị đơn bà Lý Thị L trả lại diện tích đất chấp 12.049,4m^{2}là có căn cứ chấp nhận; bị đơn bị đơn bà Lý Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Lý Thị L2, ông Đặng Văn T, cháu Đặng Thị K2 đưa ra lời phản biện và chứng cứ để phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn K. Buộc bị đơn bà Lý Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Lý Thị L2, ông Đặng Văn T, cháu Đặng Thị K2 phải trả cho gia đình ông Đặng Văn K

quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 12.049,4m^2 thuộc lô 04, khoảnh 41 thôn K (nay là thôn B), xã D, huyện S; gồm các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13. (Có sơ đồ đo vẽ, bản kê tọa độ và độ dài các cạnh kèm theo).

Về tài sản trên đất: Trên diện tích đất tranh chấp gia đình bà Lý Thị L phải trả cho gia đình ông Đặng Văn K thì gia đình bà L đã trồng cây Keo trên đất; ông K có ý kiến nhận cây keo và trả bằng tiền; bị đơn bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, số cây Keo gia đình bà L đã trồng chưa đến tuổi khai thác, tuổi khác thác keo đến chu kỳ thu hoạch khoảng 05 năm, nếu di dời tài sản sẽ giảm giá trị. Do đó, giao cho ông Đặng Văn K được sở hữu toàn bộ 5.783cây keo do gia đình bà L tạo lập gắn liền trên đất. Ông Đặng Văn K phải trả cho bà Lý Thị L số tiền giá trị cây keo là: 28.915.000đ.

Về lãi suất chậm Thi hành án: Được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên bị đơn bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nhưng bà L là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Về chi phí tố tụng: Tiền đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 15.358.000đ. Số tiền này ông K đã ứng ra nộp chi phí; Do yêu cầu của bên nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bên bị đơn bà L phải chịu toàn bộ số tiền này, số tiền bà L nộp trả cho ông K.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 138, 164, 166, 175, 185, 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 35, Điều 91, 147, 157, 165, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 11, Điều 24, 36, 38, 43 và Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; Khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 49, Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn K;

Buộc bị đơn bà Lý Thị L; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Lý Thị L2, ông Đặng Văn T, cháu Đặng Thị K2 phải trả cho gia đình ông Đặng Văn K quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp 12.049,4m^{2}thuộc lô 04, khoảnh 41 thôn K, xã D, huyện S (nay là thôn B, xã D, tỉnh Bắc Ninh); gồm các

điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13. (Có sơ đồ đo vẽ, bản kê tọa độ và độ dài các cạnh kèm theo).

Về tài sản trên đất: Giao cho ông Đặng Văn K được sở hữu toàn bộ cây keo do gia đình bà Lý Thị L tạo lập gắn liền trên đất gồm: 5.783 cây keo mới trồng được 1 tháng tuổi. Ông Đặng Văn K phải trả cho bà Lý Thị L số tiền giá trị cây keo là: 28.915.000đ.

[2]. Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Bị đơn bà Lý Thị L được miễn toàn bộ án phí DSST.

Về tiền chi phí tố tụng: Chi phí định giá và thẩm định, đo đạc hết số tiền là 15.358.000đ, bà Lý Thị L phải chịu, số tiền 15.358.000đ bà L nộp trả cho ông Đặng Văn K.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có sự thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - BN;
- Phòng THADS KV5-BN;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn